

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hoá; thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hoá bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hoá; thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hoá bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hoá; thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hoá bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 6 Điều 35, khoản 2 Điều 47, khoản 2 Điều 48 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân sử dụng xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.



b) Tổ chức, cá nhân sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hoá.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ

Xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ được phép hoạt động trên các tuyến đường bộ thuộc địa bàn tỉnh, trừ đường cao tốc và các khu vực, tuyến đường cấm hoặc hạn chế hoạt động theo quy định.

Điều 3. Sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hoá

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách và hàng hóa phải thực hiện đăng ký với Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đăng ký hoạt động kinh doanh; chấp hành và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh; quản lý, sử dụng, điều hành phương tiện, lái xe phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải của đơn vị mình. Không sử dụng lái xe là người không có Giấy phép lái xe hoặc có Giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe, người có Giấy phép lái xe bị trừ hết điểm, người đang bị tước hoặc bị thu hồi Giấy phép lái xe để điều khiển phương tiện kinh doanh vận tải (đối với loại phương tiện yêu cầu có Giấy phép lái xe).

2. Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý việc sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hoá trên địa bàn.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ thực hiện việc đón, trả khách tùy thuộc vào nhu cầu của hành khách và dừng, đỗ để chờ, đón khách hoặc lên, xuống hàng hóa tại các địa điểm, khu vực không bị cấm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nhưng phải đảm bảo an toàn cho hành khách và người tham gia giao thông.

4. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và theo dõi hoạt động vận tải như sử dụng phần mềm đặt xe, quản lý dữ liệu hành khách, hàng hóa trong hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hoá bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ

1. Thời gian hoạt động:

a) Vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ được phép hoạt động từ 05 giờ 00 phút đến 24 giờ 00 phút hằng ngày.

b) Vận chuyển hàng hoá bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ được phép hoạt động 24/24 giờ hằng ngày.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ được phép hoạt

động trên các tuyến đường có đặt biển báo tốc độ khai thác tối đa 30 km/h áp dụng cho tất cả các phương tiện tham gia giao thông, trừ các tuyến đường, khu vực cấm hoặc hạn chế hoạt động đối với xe bốn bánh có gắn động cơ theo quy định của pháp luật.

b) Vận chuyển hàng hoá bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ được phép hoạt động trên các tuyến đường có đặt biển báo tốc độ khai thác tối đa 50 km/h áp dụng cho tất cả các phương tiện tham gia giao thông, trừ các tuyến đường, khu vực cấm hoặc hạn chế hoạt động đối với xe bốn bánh có gắn động cơ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hoá; thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hoá bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Bãi bỏ số thứ tự 115 mục XIII Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Như Điều 5;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: Lãnh đạo VP, CVNCTH;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu văn bản QPPL tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị (đăng Công báo);
- Lưu: VT, NC, CAT. *bb*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc